

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 65/2020/HS-ST

Ngày 28 - 9 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Lý

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Oanh
2. Ông Nguyễn Thanh Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương- Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 09 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 64/2020/TLST-HS ngày 16 tháng 9 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2020/QĐXXST- HS ngày 17 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

Phạm Văn S, sinh ngày 09 tháng 10 năm 1981 tại huyện V, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn L, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Giáo viên; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Ngọc T và bà Phạm Thị Q; vợ: Trần Thị T, sinh năm 1983; có 03 con;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tháng 02/2000 tham gia nghĩa vụ quân sự, đóng quân tại tiểu đoàn 162 , trung đoàn 242, quân khu 3, đến tháng 02/2002 xuất ngũ về địa phương. Từ năm 2003 - 2005 theo học tại trường Cao đẳng sư phạm Thái Bình. Từ năm 2007 - 2008 là giáo viên trường Trung học cơ sở xã N, huyện V. Từ năm 2008 đến nay là giáo viên trường Trung học cơ sở xã M, huyện V. Là Đảng viên Đảng cộng

sản Việt Nam từ ngày 08/3/2013. Bị cáo đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày 10/7/2020. (Có mặt)

- Bị hại: Ông Phạm Ngọc T, sinh năm 1950;

Nơi cư trú: Thôn L, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Người làm chứng:

1. Bà Phạm Thị Q, sinh năm 1950;

2. Chị Trần Thị T, sinh năm 1983;

Đều trú tại: Thôn L, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình;

(Ông T, bà Q, chị T đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn S và bố đẻ là ông Phạm Ngọc T ở cạnh nhà S có mâu thuẫn với nhau từ trước. Do bố, con tính tình không hợp nên ông T thường xuyên mắng chửi S. Trưa ngày 23/4/2020, Sơn có tổ chức sinh nhật cho con và mời bạn bè đến ăn cơm, uống rượu tại nhà. Trong lúc có nhiều người, ông T đã chửi S: “*Đẻ đứa con như mày thà đẻ con chó còn hơn*” nên Sơn rất tức giận. Sau khi ăn trưa xong, S đi hát Karaoke với bạn và tiếp tục uống rượu. Khoảng 18 giờ 00 phút cùng ngày, S về nhà trong tình trạng say rượu. Do nghĩ lại câu chuyện bị ông T mắng chửi lúc trước, S liền đi bộ ra đứng cạnh gốc na ở gần bể nước chửi ông T. Ông T đang ngồi ăn cơm trong nhà nghe thấy tiếng S chửi nên rất tức giận. Ông T liền đi lên gác, lấy 01 (một) đoạn thước bằng gỗ, có kích thước (136,5 x 3,4 x 1,1) cm rồi đi đến chỗ S đang đứng. Ông T cầm thước ở trên tay phải, đứng đối diện với S, vung thước từ trên xuống dưới vụt về phía S, do S cúi người xuống tránh nên chiếc thước vụt trúng vào phần lưng của S tạo thành một vết lằn đỏ. S liền lao vào, giằng co chiếc thước trên tay ông T. Hai người đùn đẩy nhau đến khu vực sân trước cửa bếp nhà ông T thì chị Trần Thị T (vợ S) có chạy lại can ngăn. Chị T đứng giữa S và ông T, dùng tay đẩy hai người ra xa nhưng ông T vẫn vung thước vụt xuống nên trúng vào đầu chị, tuy nhiên không để lại thương tích. Thấy vậy, chị T liền dùng hai tay ôm lấy ông T từ đằng trước và đẩy ông T ra thì bị ông T cắn 03 (ba) nhát vào cánh tay trái và 01 (một) nhát vào cánh tay phải tạo thành các vết bầm tím. Thấy không thể can ngăn được hai người, chị T liền chạy ra ngoài, hô hoán mọi người. S và ông T tiếp tục giằng co nhau đến khu vực giữa sân thì ông T dùng chân phải đạp vào hông bên trái của S làm S bị đập phần hông phía sau vào chậu cây cảnh. Khi cả hai đùn đẩy nhau đến khu vực đóng luồng ở đầu ngõ thì S bị ngã ngồi bệt xuống. Ông T đứng đối diện phía trước giơ thước lên định đánh thì S đưa tay phải ra giật lấy chiếc thước, ông T liền kéo tay S và cắn vào ngón cái bàn tay phải làm ngón tay bị mất móng, gãy xương đốt 2. Do bị cắn đau, S tức giận nên dùng tay trái đâm vào trúng

miệng ông T gây nên thương tích ở môi trên bên trái, kích thước (2 x 0,2) cm. Ông T tiếp tục giơ thước lên thì S dùng tay phải giật lấy thước, vụt liên tục về phía ông T đang đứng đối diện trúng vào vùng đầu, mặt ông T gây nên các thương tích ở cung mày trái, kích thước (1 x 0,5) cm; trán trái, kích thước (5 x 1) cm; chảy máu dưới nhện, tụ máu thùy trán phải và gãy cung tiếp bên phải. Ông T giơ tay trái lên đỡ thì bị thước vụt trúng gây nên thương tích ở cẳng tay trái, kích thước (4,5x2cm). Sau đó thước bị gãy làm 03 (ba) đoạn, S và ông T tiếp tục lao vào giằng co nhau thì S bị ngã đập hông bên trái vào bờ tường xây ngăn cách giữa sân và vườn, S thấy vùng háng bị đau nên nằm ra sân. Ông T cũng bị ngã ra ở góc sân phía ngõ đi vào. Sau đó, cả hai được gia đình đưa đi bệnh viện cấp cứu. Ông T nhập viện để điều trị thương tích tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Bình từ ngày 23/4/2020 đến ngày 06/5/2020 thì xuất viện. Phạm Văn S được đưa đi điều trị thương tích tại Bệnh viện Đa khoa tư nhân Lâm Hoa nhưng không nhập viện. Sau đó, do khớp háng hai bên bị đau tăng lên nên Sơn đã nhập viện điều trị tại Bệnh viện đa khoa huyện V từ ngày 24/4/2020 đến ngày 08/5/2020 thì xuất viện.

Bản kết luận giám định thương tích số 53/20/TgT ngày 04/5/2020 của Trung tâm pháp y Sở Y tế Thái Bình kết luận đối với thương tích của ông Phạm Ngọc T: *Thương tích vùng đầu, vùng mặt và vùng cẳng tay trái do vật tày cứng tác động làm chảy máu dưới nhện, tụ máu thùy trán phải, gãy xương tiếp bên phải, rách da và tổ chức dưới da. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 28% (hai mươi tám phần trăm).*

Bản cáo trạng số 67/CT-VKSVT ngày 14/9/2020 của Viện kiểm sát huyện Vũ Thư truy tố Phạm Văn S về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 (thuộc trường hợp điểm a, c, d khoản 1 Điều 134) Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn S phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”; Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, c, d khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự); điểm b, e, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Văn S từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 năm, tính từ ngày tuyên án.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 03 (ba) đoạn gậy gỗ; 05 (năm) đoạn gậy tre; 07(bảy) mẫu máu thu trên hiện trường; 01(một) xô nhựa màu trắng có đường kính miệng 0,3m cao 0,36m đã qua sử dụng.

Về bồi thường thiệt hại: Bị cáo, bị hại đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường xong, không có yêu cầu gì thêm nên không đặt ra giải quyết.

Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được cải tạo tại địa phương để bị cáo có điều kiện chữa bệnh và chăm lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Các chứng cứ buộc tội bị cáo:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và nội dung bản cáo trạng đã truy tố, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ và bản ảnh hiện trường; Giấy chứng nhận thương tích và bệnh án điều trị thương tích của ông Phạm Ngọc T; Bản kết luận giám định thương tích số 53/20/TgT ngày 04/5/2020 của Trung tâm pháp y sở y tế Thái Bình; Biên bản ghi lời khai của bị hại là ông Phạm Ngọc T; Biên bản ghi lời khai của người làm chứng là chị Trần Thị T và bà Phạm Thị Q.

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 18 giờ ngày 23/4/2020 tại nhà ở của Phạm Văn S tại thôn L, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình; do đã có mâu thuẫn từ trước nên S có hành vi dùng tay nắm và dùng một đoạn thước bằng gỗ đánh nhiều nhát gây thương tích cho bố đẻ là ông Phạm Ngọc T tại vùng đầu, vùng mặt và vùng cẳng tay trái, làm chảy máu dưới nhện, tụ máu thùy trán phải, gãy xương tiếp bên phải, rách da và tổ chức dưới da. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 28% (*hai mươi tám phần trăm*).

Hành vi của Phạm Văn S đã phạm vào tội: “Cố ý gây thương tích”.

Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, c, d khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự).

Điều 134. Tội "Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác" Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người;

b) Dùng a-xít nguy hiểm hoặc hóa chất nguy hiểm;

c) Đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu, ốm đau hoặc người khác không có khả năng tự vệ;

d) Đối với ông, bà, cha, mẹ, thầy giáo, cô giáo của mình, người nuôi dưỡng, chữa bệnh cho mình;

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

...

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này."

[3] Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về sức khỏe của người khác. Bị cáo là người đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Là người Đảng viên, giáo viên, có trình độ hiểu biết xã hội; lẽ ra bị cáo phải nêu cao tinh thần gương mẫu, là thước đo chuẩn mực về đạo đức cho mọi người noi theo. Nhưng do uống rượu say, mất bình tĩnh, không kiềm chế được sự nóng giận của bản thân nên trong khi xảy ra mâu thuẫn, hai bên giằng co, bị cáo đã dùng tay trái nắm và dùng một đoạn thước bằng gỗ đánh nhiều nhát gây thương tích cho ông Thạch tại vùng đầu, vùng mặt và vùng cẳng tay trái, làm chảy máu dưới nhện, tụ máu thùy trán phải, gãy xương tiếp bên phải, rách da và tổ chức dưới da. Tỷ lệ thương tích là 28%.

Tuy nhiên, sự việc xảy ra cũng có một phần lỗi của bị hại. Trước đó bị hại đã chửi mắng bị cáo trước mặt nhiều người. Do có sẵn hơi men trong người nên bị cáo bị kích động, ức chế về tinh thần dẫn đến gây thương tích cho bị hại.

[4] Đánh giá về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng của bị cáo:

Xét nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử xét thấy quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo; có thái độ ăn năn, hối cải. Bị cáo cũng đã tự nguyện bồi thường cho bị hại để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Do vậy, bị cáo được 03 hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, bị cáo còn được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: Bị hại là ông Phạm Ngọc T có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo; Bị cáo đã có thời gian tham gia quân ngũ, có đóng góp nhất định trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Mặt khác Trưởng công an xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình nơi bị cáo đang cư trú và Hiệu trưởng trường THCS M cũng đề nghị Tòa án xem xét cho bị cáo được cải tạo tại địa phương vì bị cáo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, hai con còn nhỏ, bị cáo lại mắc bệnh viêm đa khớp mãn tính nên khó khăn trong việc đi lại. Tại phiên tòa bị hại tha thiết đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có điều kiện chăm lo cho gia đình.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về mức hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt:

Căn cứ vào hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Cần xử phạt bị cáo với mức án như đại diện của Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa là phù hợp, không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[6] Về bồi thường thiệt hại: Trong quá trình điều tra, bị cáo đã tích cực, tự nguyện bồi thường cho bị hại là ông Phạm Ngọc T số tiền 10.000.000 đồng. Ông T đã nhận đủ số tiền này và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại nên cần căn cứ vào khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 590 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận, không đặt ra giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu, tiêu hủy: 03 (ba) đoạn dây gỗ là công cụ dùng vào việc phạm tội

Tịch thu, tiêu hủy: 05 (năm) đoạn gậy tre , 07 (bảy) mẫu máu thu trên hiện trường, 01(một) xô nhựa màu trắng có đường kính miệng 0,3m cao 0,36m đã qua sử dụng .

[8] Về các vấn đề khác trong vụ án:

[8.1] Đối với hành vi ông Phạm Ngọc T cắn vào tay chị Trần Thị T để lại 03 (ba) vết bầm tím ở cánh tay trái và 01 (một) vết bầm tím ở cánh tay phải, chị Thúy có đơn đề nghị không giám định thương tích và không yêu cầu xử lý hành vi của ông T do vết thương chỉ xây xát bên ngoài, không phải đi điều trị ở đâu, đến nay không để lại thương tích gì. Cơ quan điều tra đã lập biên bản ghi nhận lại nội dung trên nên không có căn cứ xử lý hình sự về hành vi nêu trên.

[8.2] Đối với hành vi ông Phạm Ngọc T đánh gây thương tích cho Phạm Văn S. Tại Bản kết luận giám định số 54/20/TgT ngày 01/6/2020 của Trung tâm pháp y sở y tế Thái Bình kết luận: *“Thương tích vùng lưng, vùng tay, chân hai bên do vật tày tác động làm mất móng ngón I và gãy xương đốt 2 ngón I bàn tay phải. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 4% (Bốn phần trăm)”*. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trưng cầu giám định bổ sung thương tích của S và ra Quyết định dẫn giải người bị hại đi giám định thương tích nhưng S từ chối, không đi giám định bổ sung vì cho rằng tổn thương khớp háng là do S bị bệnh viêm khớp mãn tính. S đã có đơn không yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự với hành vi của ông T. Vì vậy không có căn cứ xử lý hình sự đối với hành vi đã nêu.

[8.3] Công an huyện V đã ra Quyết định số 82/QĐ-XPHC ngày 28/8/2020 xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Phạm Ngọc T về hành vi xâm hại sức khỏe của người khác bằng hình thức phạt tiền là phù hợp.

Bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, c, d khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự); điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn S phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

2. Về hình phạt: Xử phạt Phạm Văn S 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án (ngày 28 tháng 9 năm 2020).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Phạm Văn S cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về bồi thường thiệt hại: áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, Điều 585, Điều 590 Bộ luật Dân sự. Xử chấp nhận thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại là ông Phạm Ngọc T như sau: Bị cáo Phạm Văn S đã bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), đã bồi thường xong.

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu, tiêu hủy: 03 (ba) đoạn gậy gỗ; 05 (năm) đoạn gậy tre; 07 (bảy) mẫu máu thu trên hiện trường; 01 (một) xô nhựa màu trắng có đường kính miệng 0,3m cao 0,36m.

(Vật chứng của vụ án đã chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện V theo biên bản giao nhận vật chứng và phiếu nhập kho vật chứng ghi ngày 18 tháng 9 năm 2020).

5. Án phí: Bị cáo Phạm Văn S phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo : Bị cáo; ông Phạm Ngọc T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 28 tháng 9 năm 2020).

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận :

- Bị cáo;
- Bị hại;
- UBND xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình
- Công an huyện V;
- VKS nhân dân tỉnh Thái Bình.
- VKSND huyện V;
- Chi cục THA dân sự huyện V;
- Sở Tư pháp;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu HCTP

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)